# TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

# TỔ: NGOẠI NGỮ

**MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ 2 - LỚP 12- NH 2020 – 2021**

**(*CÓ BÁM SÁT VÀO ĐỀ THAM KHẢO CỦA BỘ GD*)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Part | SUBJECT | CONTENTS | LEVELS | Number of sentences |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I | Phonetics | Sound:**Q1**- “-ed” (từ cùng loại, cùng số âm tiết) | 1 |  |  |  | 1 |
| Stress: **Q2**- 3 syllables | 1 |  |  |  | 1 |
| II | Multiple choice completion | Grammar:**Q3**- Modal verb (+V bare)**Q4**- Modal verb in passive hoặc Conditional**Q5**- Superlative**Q6**- Comparative hoặc Double comparative**Q7**- Tenses **Q8**- Conjunctions (although, in spite of, despite, because, because of, however)**Q9**- Article**Q10**- Preposition | 111111 | 11 |  |  | 14 |
| Vocabulary:**Q11**- Word form **Q12**- Phrasal verb **Q13**- Phrasal verb **Q14**- Word choice **Q15**- Word choice**Q16**- Collocation | 1 | 1111 | 1 |  |
| III | Synonym | **Q17**- simple word (phải có ngữ cảnh để đoán)**Q18**- simple word (phải có ngữ cảnh để đoán) |  | 1 | 1 |  | 2 |
| IV | Antonym | **Q19**- phải có ngữ cảnh để đoán. 4 options gồm các từ quen |  |  | 1 |  | 1 |
| IV | Conversation pieces | **Q20**- suggestion/ thanking/ compliment/**Q21**- showing opinion / (dis)agreement | 1 | 1 |  |  | 2 |
| VI | Lexical reading | **Q 22,23**,**24**,**25**,**26*** relative pronoun
* conjunction
* word meanings in context
* language use: (an)other(s); most, none, …
 | 1 | 11 | 2 |  | 5 |
| VII | Reading comprehension | Passage 1: **Q27,28,29,30,31*** Main idea/best title
* Reference
* Not mention / (not) true
* Specific information
* Synonym
 | 1 | 11 | 11 |  | 5 |
| VIII | Error identification | **Q32** – parallel structure hoặc confusing word | 1 | 1 |
| IX | Sentence transformation***( tự luận)*** | **Q33** - Comparisons |  | 1 |  |  | 2 |
| **Q34** - Reported speech (statement) |  | 1 |  |  |
| X | Sentence combination***( tự luận)*** | **Q35** - Conditional sentences (advanced): (provided/ in case/ unless/ if) |  |  | 1 |  | 2 |
| **Q36**- Modal verb (+V-bare) |  |  | 1 |  |

**Lưu ý:**

- **Phần tự luận gồm 4 câu: mỗi câu 0,5 điểm**

- Nội dung đề kiểm tra cần **bám sát chủ điểm bài học** và chú trọng hơn về ngữ nghĩa và căn cứ theo khung chuẩn kiến thức kỹ năng và khung năng lực, kỹ năng ngôn ngữ.

- Đề kiểm tra chính thức có thể có điều chỉnh nhỏ so với nội dung hướng dẫn để phù hợp với yêu cầu thực tế tại thời điểm ra đề.

- Thời gian làm bài là ***45 phút***.